

Số: 355 /NAN

Quận 12, ngày 18 tháng 10 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Về việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của Trường THCS Nguyễn An Ninh, Học kỳ 1, năm học 2024-2025

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024 - 2025 (Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND);

Căn cứ Công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hướng dẫn liên tịch số 6687/HDLS/BHXH-GDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Liên tịch Sở Giáo dục và Đào tạo và Bảo hiểm Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 7266/UBND-GDĐT-TC ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận 12 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024 - 2025 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận;

Trường THCS Nguyễn An Ninh thông báo thu học phí và các khoản thu khác học kỳ I, năm học 2024 - 2025, như sau:

Stt	Nội dung thu	Định mức thu	Số tháng, tiết, năm	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Ghi chú
I	Học phí			240.000	240.000	240.000	240.000	
1	Học phí (đồng/học sinh/tháng)	60.000	4	240.000	240.000	240.000	240.000	
II	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-			2.083.000	2.083.000	2.083.000	1.705.000	

Stt	Nội dung thu	Định mức thu	Số tháng, tiết, năm	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Ghi chú
	<b>HĐND và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác</b>							
<b>1</b>	<b>Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND</b>			<b>295.000</b>	<b>295.000</b>	<b>295.000</b>	<b>295.000</b>	
1.1	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường) (đồng/học sinh/năm)	25.000	1	25.000	25.000	25.000	25.000	
1.2	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số			270.000	270.000	270.000	270.000	
	- K12 Gói phần mềm Trường học số (đồng/học sinh/năm)	100.000	1	100.000	100.000	100.000	100.000	Mức thỏa thuận: 16.000đ/tháng
	- Số liên lạc điện tử và điểm danh thông minh (Enetviet) (đồng/học sinh/năm)	170.000	1	170.000	170.000	170.000	170.000	Mức thỏa thuận: 19.000đ/tháng
<b>2</b>	<b>Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác</b>			<b>1.698.000</b>	<b>1.698.000</b>	<b>1.698.000</b>	<b>1.320.000</b>	
2.1	Tiền tổ chức 2 buổi/ngày (đồng/học sinh/tháng)			198.000	198.000	198.000	300.000	
	- Khối 6,7,8 (4 tiết/tuần)	66.000	3	198.000	198.000	198.000		
	- Khối 9 (6 tiết/tuần)	100.000	3				300.000	

Stt	Nội dung thu	Định mức thu	Số tháng, tiết, năm	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Ghi chú
2.2	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống (đồng/học sinh/tháng)	70.000	3	210.000	210.000	210.000	210.000	
2.3	Tiền tổ chức Giáo dục STEM (đồng/học sinh/tháng)	90.000	3	270.000	270.000	270.000	270.000	
2.4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (đồng/học sinh/tháng)	180.000	3	540.000	540.000	540.000	540.000	
2.5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030" (đồng/học sinh/tháng)	160.000	3	480.000	480.000	480.000		Chương trình (IC3) 60 tiết
<b>3</b>	<b>Các khoản thu cho cá nhân học sinh</b>			<b>90.000</b>	<b>90.000</b>	<b>90.000</b>	<b>90.000</b>	
3.1	Học phẩm (đồng/học sinh/năm học)	50.000	1	50.000	50.000	50.000	50.000	
3.2	Tiền nước uống (đồng/học sinh/tháng)	10.000	4	40.000	40.000	40.000	40.000	
<b>III</b>	<b>Các khoản thu hộ khác cho học sinh</b>			<b>884.520</b>	<b>884.520</b>	<b>884.520</b>	<b>884.520</b>	
1	Bảo hiểm y tế học sinh (đồng/học sinh/12 tháng)	884.520	1	884.520	884.520	884.520	884.520	
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III)</b>			<b>3.207.520</b>	<b>3.207.520</b>	<b>3.207.520</b>	<b>2.829.520</b>	

\* Ghi chú: PHHS tùy theo điều kiện có thể đóng theo tháng hoặc học kỳ.

Thực hiện theo Quyết định số 4579/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục và Kế hoạch số 4066/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025, Trường THCS Nguyễn An Ninh triển khai thanh toán học phí qua các kênh thu hộ của hệ thống SSC như sau:

- Kênh thu hộ miễn phí: Ví điện tử EcoPay, Ngân hàng Agribank, Ngân hàng HDBank, Ngân hàng ACB, Cổng thanh toán Hpay.

- Kênh chuyển khoản theo cú pháp: 2.000đ/giao dịch (Áp dụng cho tất cả Ngân hàng)

- Kênh chuyển khoản qua mã QR Code in trên phiếu báo: 5.000đ/giao dịch (Áp dụng cho tất cả Ngân hàng)

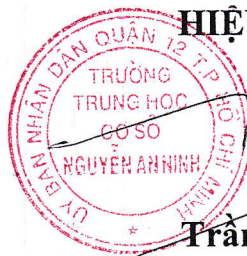
- Kênh quầy thu hộ dành cho phụ huynh không có tài khoản ngân hàng: 5.000đ/giao dịch (bao gồm: Điện máy xanh, Bách hóa xanh, Thẻ giới di động, các cửa hàng tiện lợi...)

Đối với học sinh thuộc diện được miễn, giảm thực hiện nộp hồ sơ miễn, giảm theo hướng dẫn tại Thông báo số 325/TB-NAN ngày 16/9/2024 của Trường THCS Nguyễn An Ninh.

Trường trung học cơ sở Nguyễn An Ninh thông báo thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, học kỳ 1 năm học 2024 - 2025 đến phụ huynh được biết để thực hiện theo quy định. Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thông báo bảng, website;
- Lưu: VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Minh Triết**